

SINH HOẠT CHUYÊN ĐỀ

**XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH
&
MỘT SỐ GÓP Ý CHUYÊN MÔN**

Trình bày: BS.CKI. Nguyễn Văn Thịnh

NỘI DUNG CHÍNH



1. Xây dựng chương trình đào tạo

2. Xây dựng chương trình môn học

3. Góp ý một số nội dung chuyên môn

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



SƠ ĐỒ HÓA QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO



Đầu vào

- Đối tượng TS
- Chương trình
- Giáo viên
- Thiết bị/CSVC

- Thi tuyển
- Xét tuyển

Q trình Đào

- Kế hoạch
- Năng lực dạy
- Năng lực học
- Ý thức

- Phương pháp
- Lượng giá

Đầu ra

- Kiến thức
- Kỹ năng
- Thái độ
- KN mềm

- Thi tốt nghiệp
- Văn bằng/CC

Nhu cầu LĐ

- Hòa nhập
- Mức lương
- Năng suất
- Khả năng PT

- Kiểm định CL
- Định hướng

VĂN BẢN PHÁP LÝ



Chương trình khung

BỘ LĐTBXH – BỘ Y TẾ



Chương trình đào tạo

Phòng Đào tạo – Khoa/BM



Nội dung đào tạo

Khoa – Bộ môn



Kế hoạch đào tạo

Phòng Đào tạo

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO



Mục tiêu chung

- Chuẩn nghiệp vụ
- Chức năng nghề nghiệp

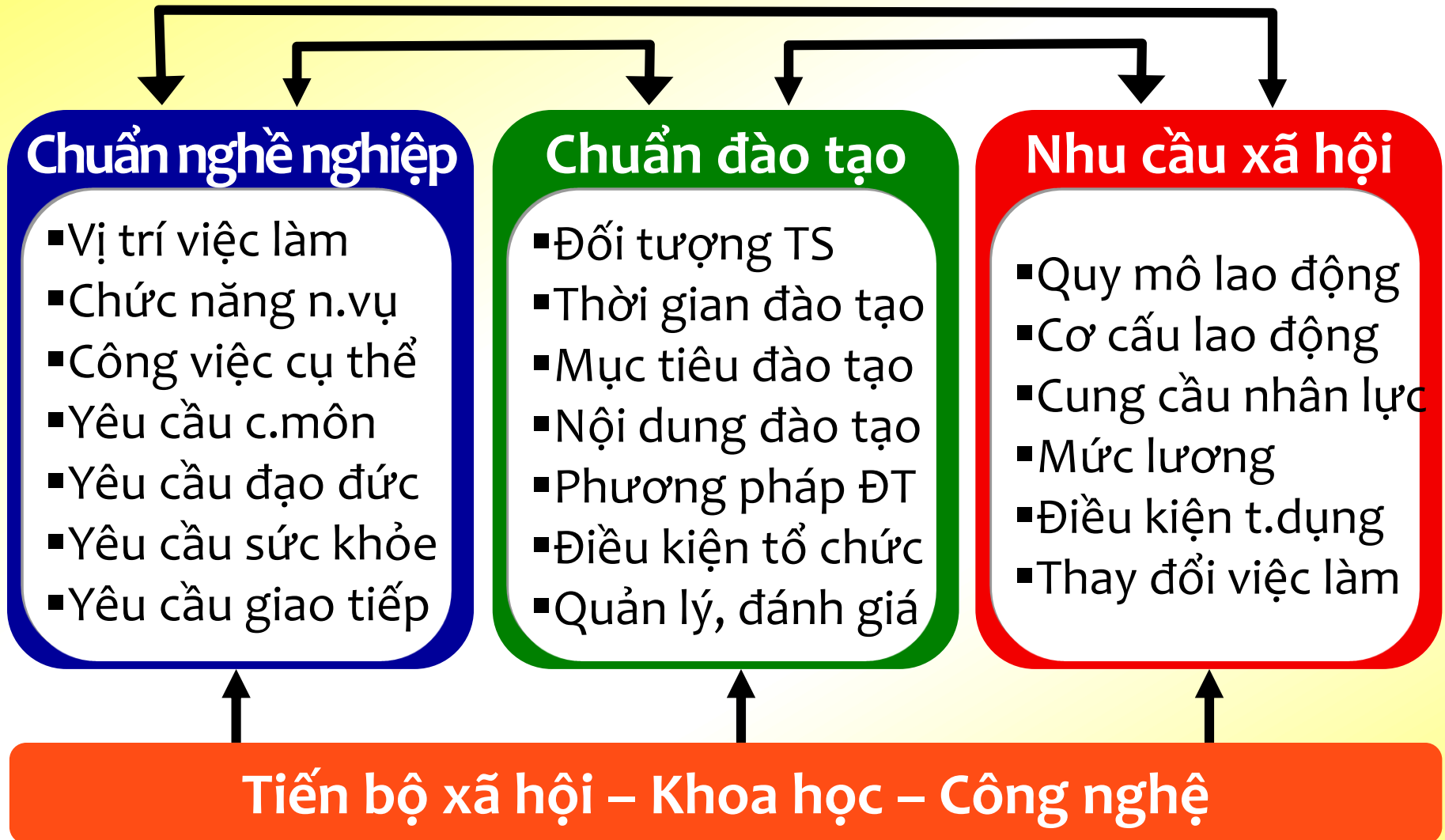
Mục tiêu cụ thể

- Vị trí việc làm (công việc cụ thể)
- Nhu cầu tuyển dụng

Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Chức danh chuyên môn
- Tuyển y tế

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO



XÁC ĐỊNH QUỸ THỜI GIAN



KHỐI Y

Quỹ thực học

$$104w - 18w = 86w$$

KHỐI DƯỢC

Lâm sàng - Thực tế

$$8w + 10w + 8w = 26w$$

Lâm sàng - Thực tế

$$2,5w + 8w = 10,5w$$

Giảng dạy tại Trường

$$86w - 26w = 60w$$

Giảng dạy tại Trường

$$86w - 10,5w = 75,5w$$

Phân bố LT - TH

$$TH: 26w - LT: 17w$$

Phân bố LT - TH

$$TH: 41,5w - LT: 17w$$

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC-THỜI GIAN



Tt	Hoạt động đào tạo	Số MH	Số TC	Số giờ		Số buổi		
				LT	TH	LT	TH	Thi
1.	Môn học chung							
2.	Môn học cơ sở							
3.	Môn học chuyên môn							
4.	Môn học tự chọn							
5.	Thực tập lâm sàng, cộng đồng							
6.	Thực tế tốt nghiệp							
7.	Sinh hoạt chuyên môn, ngoại khóa							
8.	Nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ hè							
9.	Ôn và thi tốt nghiệp							
10.	Dự trữ							
	Cộng							

MÃ MÔN HỌC



A: Nhóm môn chung

B: Nhóm môn cơ sở

C: Nhóm môn chuyên môn

C': Nhóm môn bổ trợ

D: Nhóm môn lâm sàng

E: Nhóm môn thực tế



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH



Tt	Tên môn học	Mã MH	Số TC	Số giờ						Số buổi		
				TS	LT	TL	TN	TT	KT	LT	TH	Thi
1.												
2.												
3.												
4.												
5.												
6.												
7.												
8.												
9.												
	Cộng											

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH



- Mã quy ước môn học
- Phân phối chương trình: thứ tự triển khai
- Xác định nội dung
- Lựa chọn tài liệu: chính thức/Tham khảo
- Triển khai giảng dạy
- Lượng giá, đánh giá
- Thi tốt nghiệp: nội dung, thời gian, chuẩn đạt

LẬP SƠ ĐỒ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO



Xác định mối liên quan

Một chiều – Hai chiều



Sắp xếp theo trình tự

Chung-Cơ sở-Chmôn-Bổ trợ



Đối chiếu quỹ thời gian

Số TC các HK tương đương



Lập sơ đồ

Vẽ sơ đồ biểu thị mối lquan

LẬP KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO



Xác định quỹ thời gian

Tính thời gian thực học/HK

Lựa chọn môn học

Dựa vào sơ đồ tiến trình ĐT

XD kế hoạch tiến độ

Ghép các môn song hành

Phân công giáo viên

Tránh trùng lặp môn học

Quản lý – Kiểm soát

KHBG-Tài liệu-NH đề-Lịch

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC





VỊ TRÍ

- Thời điểm bố trí, triển khai

TÍNH CHẤT

- Thuộc nhóm môn học nào

VAI TRÒ

- Mối liên quan với các môn khác



Mục tiêu về kiến thức

- Nội dung kiến thức đạt được
- Mức độ đạt được

Mục tiêu về kỹ năng

- Thực hiện thao tác, quy trình k.thuật
- Mức độ đạt được

Mục tiêu về thái độ

- Nhận thức về môn học
- Ý thức trách nhiệm với nghề nghiệp

THÀNH PHẦN CỦA MỤC TIÊU



YÊU CẦU

- Nội dung cần đạt được

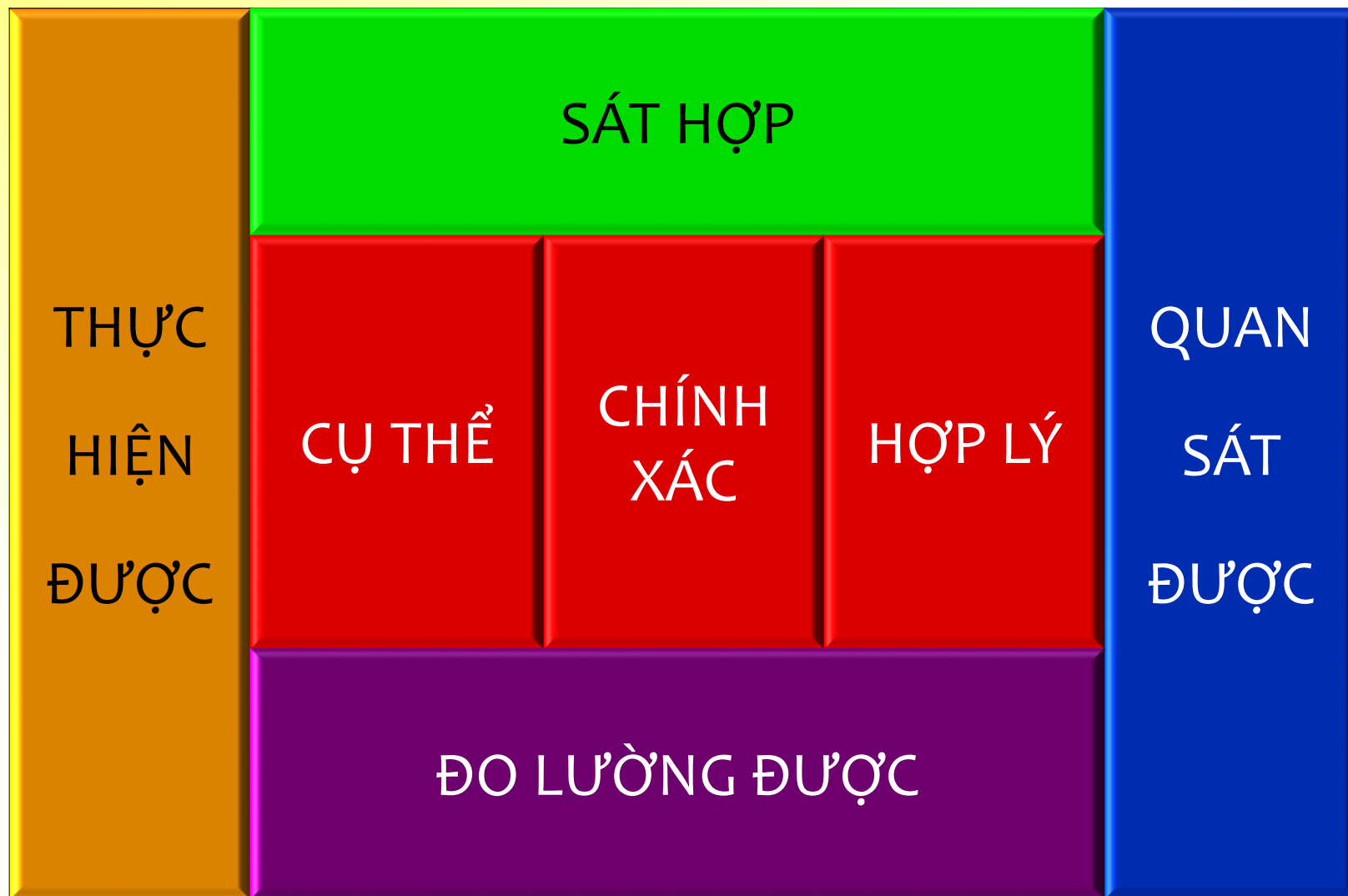
ĐIỀU KIỆN

- Thời gian, công cụ hỗ trợ, h.cảnh

TIÊU CHUẨN

- Mức độ cần đạt được

YÊU CẦU CỦA MỤC TIÊU



CÁC MỨC ĐỘ KIẾN THỨC



BIẾT

Nhắc lại kiến thức

Nêu, trình bày, mô tả

HIỂU

Nắm được bản chất

So sánh, phân biệt, minh

VẬN DỤNG

Ứng dụng tình huống

Giải thích, lựa chọn, tính

PHÂN TÍCH

Tổng hợp, khái quát hóa

Phân tích, hệ thống hóa

ĐÁNH GIÁ

Làm chủ, phản biện

Đánh giá, nhận định

CÁC MỨC ĐỘ KỸ NĂNG



BẮT CHƯỚC

Sao chép, dập khuôn

TỰ THỰC HIỆN

Thực hiện độc lập

LÀM THÀNH THẠO

Ứng dụng xử lý tình huống

TỰ ĐỘNG HÓA

Cải tiến, hoàn thiện thao tác

CÁC MỨC ĐỘ THÁI ĐỘ



CẢM NHẬN

Nhận biết, cảm thông



ĐÁP ỨNG

Chia sẻ, hành động



NỘI TÂM HÓA

Nhân cách, lý tưởng

NỘI DUNG TỔNG QUÁT



Tt	Nội dung bài học	Số giờ						Số buổi
		TS	LT	TL	TN	TT	KT	
1.								
2.								
3.								
4.								
5.								
6.								
7.								
8.								
9.								
	Cộng							

NỘI DUNG CHI TIẾT



BÀI THỨ NHẤT

Phần thứ nhất thời gian ...
Mục thứ nhất
.....



BÀI THỨ HAI

Phần thứ nhất thời gian ...
Mục thứ nhất
.....



BÀI THỨ BA

Phần thứ nhất thời gian ...
Mục thứ nhất
.....

.....



Tài liệu giảng dạy

- Giáo trình chính thống
- Tài liệu tham khảo
- Tập bài giảng

Thông tin đại chúng

- Báo, đài, internet
- Sự kiện
- Tin đồn

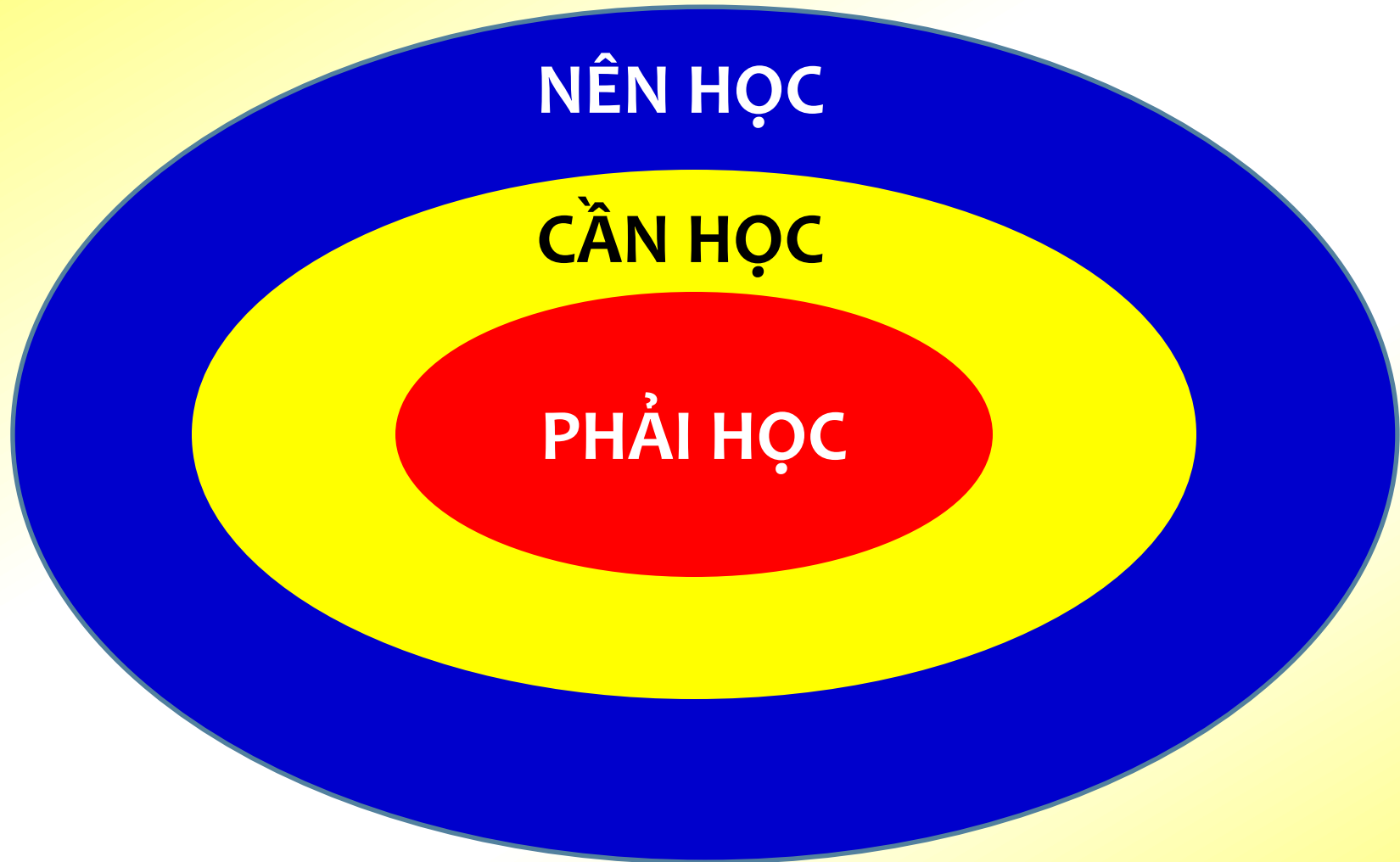
Trực quan

- Tranh ảnh
- Clip, phim
- Mô hình

Tình huống thực tế

- Tình huống lâm sàng
- Tình huống sinh hoạt
- Sự kiện





HỆ THỐNG TRI THỨC



TRI LÝ

- Quy luật, cơ chế
- Nguyên lý hoạt động
- Khái niệm, định nghĩa

TRI SỰ

- Sự kiện xã hội
- Hiện tượng tự nhiên
- Thực tiễn cuộc sống



TRI HÀNH

- Quy trình thực hiện
- Thao tác kỹ thuật
- Hướng dẫn chuẩn

TRI NHÂN

- Quan hệ xã hội
- Giao tiếp, ứng xử
- Giá trị đạo đức

ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN



Yêu cầu giáo viên

Phòng học, thực tập

Máy chiếu, thiết bị

Dụng cụ, mô hình, tiêu bản

Nguyên vật liệu, hóa chất

Các điều kiện khác

NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ



KIẾN THỨC

- Số bài kiểm tra 1 tiết, 15 phút
- Hình thức thi, số câu hỏi, thời gian
- Nội dung: ngân hàng đề

KỸ NĂNG

- Bốc thăm thực hiện kỹ thuật
- Điều kiện về thời gian
- Công cụ đánh giá

THÁI ĐỘ

- Bài tập xử lý tình huống
- Điểm chuyên cần

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN



Phạm vi áp dụng

- Đối tượng tham gia
- Đối tượng miễn trừ

Cách thức tiến hành

- Phương pháp dạy/học
- Chia nhóm
- Hướng dẫn bài tập



Những điểm trọng tâm

- Nội dung chính
- Phương pháp

Tài liệu

- Giáo trình
- Tài liệu tham khảo
- Tập bài giảng

MỘT SỐ GÓP Ý CHUYÊN MÔN





▪ Đưa toàn bộ yếu tố chung vào phần thân

Triệu chứng ở người bệnh viêm ruột thừa giai đoạn điển hình:

- A. Đau bụng hố chậu phải
- B. Đau bụng vùng thượng vị
- C. Đau bụng quanh rốn
- D. Đau bụng hố chậu trái



▪ Đưa toàn bộ yếu tố chung vào phần thân

Trong giai đoạn điển hình, người bệnh viêm ruột thừa thường đau ở vị trí:

- A. Hố chậu phải
- B. Thượng vị
- C. Quanh rốn
- D. Hố chậu trái



▪ Thân phải phù hợp với cả 4 đáp án

Bệnh tả có đặc điểm:

- A. Đau bụng ngay sau khi nhiễm độc
- B. Đặc điểm chính là tiêu chảy toàn nước
- C. Phân thường có đờm, máu
- D. Đau bụng khu trú ở hố chậu phải



▪ Thân phải phù hợp với cả 4 đáp án

Bệnh tả có đặc điểm:

- A. Đau bụng ngay sau khi nhiễm độc
- B. Tiêu chảy phân toàn nước
- C. Phân thường có đờm, máu
- D. Đau bụng khu trú ở hố chậu phải



▪ Cả 4 đáp án phải tương thích về nội dung

Loét dạ dày có đặc điểm:

- A. Đau bụng vùng thượng vị lệch phải
- B. Sốt là biểu hiện luôn có
- C. Đau bụng liên quan đến bữa ăn
- D. Kháng sinh không có tác dụng



▪ Cả 4 đáp án phải tương thích về nội dung

Loét dạ dày có đặc điểm:

- A. Đau bụng vùng thượng vị lệch phải
- B. Sốt là biểu hiện luôn có
- C. Đau bụng liên quan đến bữa ăn
- D. Đau bụng dữ dội từng cơn



- **Cả 4 đáp án phải tương thích về văn phạm**

Biểu hiện của suy tim:

- A. Nhịp tim nhanh
- B. Huyết áp cao
- C. Tiếng thổi tâm trương là biểu hiện hay gặp
- D. Gõ đục vùng trước tim



- **Cả 4 đáp án phải tương thích về văn phạm**

Biểu hiện của suy tim:

- A. Nhịp tim nhanh
- B. Huyết áp cao
- C. Tiếng thổi tâm trương
- D. Gõ đục vùng trước tim



▪ Cả 4 đáp án phải tương thích về ngữ nghĩa

Điều nào đúng khi chăm sóc người bệnh trước mổ:

- A. Kiểm tra dấu sinh hiệu
- B. Giải thích để người bệnh an tâm
- C. Hướng dẫn chế độ ăn
- D. Giải thích, ổn định tâm lý, hướng dẫn chế độ ăn và kiểm tra mạch, huyết áp



▪ Cả 4 đáp án phải tương thích về ngữ nghĩa

Điều nào đúng khi chăm sóc người bệnh trước mổ:

- A. Kiểm tra dấu sinh hiệu
- B. Giải thích để người bệnh an tâm
- C. Hướng dẫn chế độ ăn
- D. Tất cả đều đúng



▪ Sử dụng yếu tố đánh lạc hướng hợp lý

Biểu hiện thường gặp nhất ở người nhiễm trùng tiểu:

- A. Tiểu gắt
- B. Tiểu chậm
- C. Khó tiểu
- D. Đau thượng vị



▪ Kết hợp nhóm hợp lý

Chỉ định dùng thuốc ngừa thai kết hợp cho khách hàng:

- A. Đau bụng kinh
- B. Ung thư vú
- C. A sai, B đúng
- D. A đúng B sai

MỘT SỐ LỖI CẦN TRÁNH



▪ Câu đa nghĩa, dài dòng, tối nghĩa

Ánh sáng là gì:

- A. Là lượng bức xạ gửi tới 1 đơn vị diện tích trong một đơn vị thời gian. Thường được dùng là Kcal/cm² hay Wat/m². Bức xạ mặt trời chiếu tới trái đất có bước sóng trong khoảng $\lambda = 170\text{nm}$ tới 4.000nm , tập trung nhất trong khoảng từ 400nm - 1.000nm . trong đó 50% năng lượng nằm trong phổ ánh sáng nhìn thấy (380nm ÷ 760nm); 43% trong phổ hồng ngoại ($> 760\text{nm}$) và còn lại trong phổ tử ngoại
- B. Là các sóng điện từ, là nguồn năng lượng của vật chất phát ra trong không gian, có nguồn gốc tự nhiên hay nhân tạo, có bước sóng khoảng $380 - 760 \text{ nm}$
- C. Là cách sử dụng ánh sáng hợp lý và hiệu quả nhằm phục vụ sản xuất cũng như bảo đảm sức khỏe của người lao động. Mắt người chỉ chịu đựng độ chiếu sáng cực đại từ $4000 - 5000\text{Lux}$, nếu quá giới hạn này sẽ ảnh hưởng xấu. Ánh sáng mặt trời khi nắng gắt là $80000 - 100.000\text{Lux}$
- D. Tất cả đều đúng

MỘT SỐ LỖI CẦN TRÁNH



▪ Câu đầu mỗi

Ngày đầu của kỳ kinh cuối là 20/5/2013. Ngày dự sinh là:

- A. 27/02/2014
- B. 27/3/2014
- C. 23/12/2013
- D. 30/02/2014

MỘT SỐ LỖI CẦN TRÁNH



▪ Câu đầu mỗi

Thai phụ có kinh cuối vào ngày 30 tháng 7 năm 2010, đến trạm xá khám thai vào ngày 9 tháng 2 năm 2011, bạn hãy tính xem thai được bao nhiêu tuần tuổi:

- A. 26 tuần 6 ngày
- B. 27 tuần
- C. 28 tuần
- D. 29 tuần

MỘT SỐ LỖI CẦN TRÁNH



▪ Phủ định của phủ định

Triệu chứng nào thường KHÔNG GẶP nếu KHÔNG DÙNG vitamine C:

- A. Nhức đầu
- B. Tiêu chảy
- C. Xót ruột
- D. Táo bón

MỘT SỐ LỖI CẦN TRÁNH



▪ Phủ định của phủ định

Triệu chứng nào thường gặp khi dùng
vitamine C:

- A. Nhức đầu
- B. Tiêu chảy
- C. Xót ruột
- D. Táo bón

MỘT SỐ LỖI CẦN TRÁNH



- Có 2 đáp án trái nghĩa trong 1 câu hỏi

Thuốc tẩy giun nên uống vào thời điểm:

- A. Buổi trưa
- B. Buổi chiều
- C. Trước khi ăn
- D. Sau khi ăn

MỘT SỐ LỖI CẦN TRÁNH



▪ Viết tắt không theo quy ước

Dấu hiệu nào đúng với BN viêm ruột thừa:

- A. Đau bụng từng cơn
- B. Tiêu phân lỏng
- C. Đau vùng quanh rốn
- D. Ấn điểm đau Mc Burney (+)

MỘT SỐ LỖI CẦN TRÁNH



▪ Câu văn không mô phạm

Chữa cảm sốt, nhức đầu, đau răng, chọn:

A. Xuyên khung

B. Bạc hà

C. Bạch chỉ

D. Thanh hao hoa vàng

MỘT SỐ LỖI CẦN TRÁNH



▪ Câu văn không mô phạm

Dược liệu có tác dụng chữa cảm sốt, nhức đầu, đau răng:

- A. Xuyên khung
- B. Bạc hà
- C. Bạch chỉ
- D. Thanh hao hoa vàng



- Dấu ngắt câu . , : ; ! ? : Phía trước không có khoảng trắng, phía sau có khoảng trắng
- Dấu mở ngoặc (“[{ : Phía trước có khoảng trắng, phía sau không có khoảng trắng.
- Dấu đóng ngoặc) “] } : Phía trước không có khoảng trắng, phía sau có khoảng trắng
- Kiểm tra khoảng trống giữa các từ

LƯU Ý VỀ CHÍNH TẢ



- Dùng gh sau i, ia, iê, ê, e (ghi, ghế,...), viết g trong các trường hợp còn lại (gà, gọn,...).
- Dùng ngh sau i, ia, iê, ê, e (nghĩ, nghề,...), viết ng trong các trường hợp còn lại (người, ngành, ngắm,...).
- Dùng k sau i, ia, iê, ê, e (kiến kẻ,...). Viết q khi sau âm đệm u (quả, quyết, quẻ, quê,...), viết c trong những trường hợp còn lại (cá, con, câm, cười,...).

LƯU Ý VỀ CHÍNH TẢ



▪ Luật hài thanh:

- Ngang/Sắc/Hỏi
- Huyền/Ngã/Nặng

▪ Phân biệt s/x:

- Từ có âm đệm thì viết x, trừ từ suyễn, suy, súy, soát (lục soát, soát vé)
- Láy âm đầu, cả hai cùng x hoặc cùng s (xa xôi, sạch sẽ,..).
- Láy vần thường là x (lao xao, loãn xoăn..)



Cảm ơn Thầy Cô đã theo dõi!